

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ DI ĐỘNG TRONG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ

MOBILE TECHNOLOGY APPLICATION IN CAREER CONSULTATION FOR ETHNIC MINORITY STUDENTS

NGUYỄN THỊ MINH HIỀN

Trường Trung học phổ thông Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 01/10/2023 Ngày nhận lại: 10/10/2023 Duyệt đăng: 22/11/2023 Mã số: TCKH-SĐBT11-B05-2023 ISSN: 2354 - 0788</p> <p>Từ khóa: Khởi nghiệp số; tư vấn hướng nghiệp; giáo dục dân tộc thiểu số</p> <p>Key words: Digital entrepreneurship, career consulting, ethnic minority education</p>	<p><i>Bài nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng hướng nghiệp của học sinh lớp 12 dân tộc thiểu số (DTTS) tại Trường THPT Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với 50 học sinh người DTTS. Kết quả cho thấy 62% học sinh chưa xác định được dự định sau tốt nghiệp do thiếu thông tin về ngành nghề. Hoạt động tư vấn hướng nghiệp (TVHN) của nhà trường đóng vai trò quan trọng, ngược lại, sự hỗ trợ của gia đình vẫn còn hạn chế. Việc ứng dụng công nghệ vào hướng nghiệp là xu hướng tất yếu, tuy nhiên học sinh còn hạn chế trong việc sử dụng. Bài nghiên cứu này đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động TVHN cho học sinh DTTS.</i></p> <p>ABSTRACT</p> <p><i>This research article aims to understand the career guidance situation of 12th grade ethnic minority students at Tay Tra High School, Quang Ngai province. The study used a questionnaire survey method with 50 ethnic minority students. The results showed that 62% of students have not determined their post-graduation plans due to lack of information about careers. The school's career counseling activities play an important role, on the contrary, family support is still limited. The application of technology in career guidance is an inevitable trend, but students are still limited in its use. This study has proposed a number of solutions to improve the effectiveness of vocational training activities for ethnic minority students.</i></p>

1. Mở đầu

Việc chọn nghề nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển bản thân (Huỳnh Văn Sơn, 2011). Học sinh cần phải lựa chọn một nghề phù hợp với năng lực và hoàn cảnh xã hội của mình (Nguyễn Thạc, Nguyễn Thị Ngọc Liên, 2005). Các trường trung học phổ thông (THPT) chủ yếu tập trung vào việc tư vấn hướng nghiệp (TVHN), một hoạt động không thể thiếu để giúp học sinh hiểu rõ hơn về các lựa chọn nghề nghiệp (Nguyễn Thị Tường Hân, 2011).

Tuy nhiên, theo Đỗ Thị Lệ Hằng (2009), hoạt động TVHN chủ yếu là cung cấp thông tin về các ngành nghề, quá trình nộp đơn thi, và các chương trình đào tạo. Lê Duy Hùng (2015) chỉ ra rằng: có tới 34% sinh viên cảm thấy mình đã chọn nhầm nghề; 42% cảm thấy chưa thực sự phù hợp với ngành họ đã chọn. Điều này cho thấy rằng hoạt động TVHN cần phải được cải thiện và mở rộng hơn nữa.

Lê Anh Phương, Giám đốc Đại học Huế, cũng nhấn mạnh việc thí sinh đăng kí gần 100 nguyện vọng là một điều không nên và đây là phản ánh của việc TVHN và phân luồng ở các trường THPT chưa hiệu quả (Lê Anh Phương, 2022). Ông đề xuất rằng trong thời gian tới, cần phải đẩy mạnh công tác TVHN và phân luồng cho học sinh.

Nhìn chung, việc TVHN và phân luồng cần phải được coi trọng hơn trong hệ thống giáo dục THPT. Điều này không chỉ giúp học sinh lựa chọn đúng đắn ngành nghề phù hợp với bản thân, mà còn đáp ứng nhu cầu của xã hội, tạo lợi thế trong quá trình tuyển dụng và giảm thiểu tình trạng chọn nhầm nghề.

Với mục tiêu trên, bài nghiên cứu này tìm hiểu thực trạng hướng nghiệp của học sinh lớp 12 DTTS tại Trường THPT Tây Trà, huyện miền núi Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi về việc tiếp nhận hoạt động hướng nghiệp (HĐHN) và các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn lựa ngành nghề của các em, qua đó góp phần chỉ ra những khó

khăn đang gặp phải trong việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh người dân tộc ít người tại Trường THPT Tây Trà, đồng thời cũng có các đề xuất, phương pháp hướng nghiệp phù hợp với nhu cầu của các em học sinh lớp 12 người DTTS mong muốn.

2. Tổng quan lý thuyết

2.1. Định nghĩa và phạm vi hướng dẫn nghề nghiệp

Hướng nghiệp đề cập đến các dịch vụ và hoạt động nhằm hỗ trợ mọi người ở bất kỳ giai đoạn nào của cuộc đời, để họ đưa ra những lựa chọn về giáo dục, đào tạo và công việc cũng như quản lý thành công sự nghiệp (OECD, 2004). Hướng nghiệp nhằm mục đích hỗ trợ các cá nhân phát triển khả năng tự nhận thức, khám phá các cơ hội, đưa ra quyết định sáng suốt và đưa ra các kế hoạch nghề nghiệp. Các biện pháp hướng nghiệp bao gồm tư vấn, đánh giá, giảng dạy các kỹ năng quản lý nghề nghiệp, cung cấp thông tin nghề nghiệp và thị trường lao động, đồng thời tạo điều kiện cho trải nghiệm làm việc. Hướng dẫn nghề nghiệp trực tiếp theo truyền thống ngày nay được ứng dụng công nghệ vào HĐHN để có phạm vi tiếp cận và tác động lớn hơn.

2.2. Hướng nghiệp cho người DTTS vùng sâu, vùng xa

Các phương pháp phổ biến để cung cấp hướng dẫn nghề nghiệp bao gồm các buổi tư vấn cá nhân, các lớp tập trung vào khám phá và lập kế hoạch nghề nghiệp, đánh giá sở thích và tính cách, theo dõi công việc, tham quan khuôn viên trường đại học, hội chợ nghề nghiệp và các chương trình cố vấn (Kim & Baylor, 2006). Những điều này cho phép thảo luận cá nhân hóa, xây dựng mối quan hệ giữa người tư vấn và học sinh, học tập theo ngữ cảnh thông qua kinh nghiệm làm việc và tiếp xúc với các lựa chọn nghề nghiệp đa dạng. Tuy nhiên, có nhiều thách thức trong việc cung cấp hiệu quả các biện pháp hướng nghiệp như vậy cho thanh niên DTTS ở vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa.

Thứ nhất, các người tư vấn có cùng nền văn hóa thường không có mặt nên hạn chế tính tương tác (Ali & Saunders, 2006). *Thứ hai*, khoảng cách quá xa cản trở các chuyến đi thực tế của trường đến các nhà tuyển dụng và các trường đại học khác nhau. Điều này làm giảm khả năng tiếp xúc trực tiếp với nghề nghiệp. *Thứ ba*, việc thiếu kết nối Internet băng thông rộng chất lượng ở vùng sâu vùng xa làm hạn chế quyền tiếp cận các nguồn lực nghề nghiệp trực tuyến và cố vấn ảo (Goh và cộng sự, 2019). *Thứ tư*, sự phân biệt đối xử và áp lực vì xung đột với gia đình có thể tác động tiêu cực đến nguyện vọng và lựa chọn nghề nghiệp của học sinh DTTS (Sheu và cộng sự, 2018).

Mặc dù hướng dẫn trực tiếp có lợi thế trong việc xây dựng mối quan hệ, nhưng những hạn chế về phạm vi tiếp cận đã dẫn đến việc công nghệ ngày càng được tích hợp nhiều hơn vào hoạt động hướng nghiệp như tự đánh giá, hoạt động mô phỏng và trò chơi liên quan đến nghề nghiệp, trang web tìm kiếm thông tin và công cụ giao tiếp trực tuyến cho phép kết nối học sinh và người cố vấn từ xa (Hooley et al., 2015). Điều này cải thiện khả năng tiếp cận, hiệu quả chi phí và khả năng cá nhân hóa trên quy mô lớn. Tuy nhiên, việc phụ thuộc vào kỹ năng và khả năng truy cập kỹ thuật số của người dùng vẫn là một tồn tại hạn chế việc áp dụng công nghệ di động để thực hiện HĐHN.

2.3. Tiềm năng của công nghệ di động và AI trong hoạt động hướng nghiệp

Những tiến bộ gần đây trong công nghệ di động và trí tuệ nhân tạo đã tạo ra những khả năng mới đầy hứa hẹn trong việc cung cấp hướng dẫn nghề nghiệp một cách chủ động, có áp dụng văn hóa địa phương và cá nhân hóa cho thanh niên DTTS ở vùng sâu, vùng xa (Lindley và cộng sự, 2020).

Các ứng dụng di động thông minh được hỗ trợ bởi kỹ thuật AI có thể đưa ra các đề xuất phù hợp cho từng học sinh về nghề nghiệp, trường

cao đẳng, khóa học, thực tập, ... dựa trên phân tích các kỹ năng, sở thích và dữ liệu học tập cá nhân của họ (Kettunen et al., 2013). Các thuật toán học máy có thể kết nối hồ sơ học sinh khớp với các yêu cầu hướng nghiệp để đưa ra đề xuất về các bước tiếp theo và cung cấp các tài nguyên học tập được lựa chọn phù hợp với học sinh đó. Chatbots có thể tư vấn giúp cung cấp thông tin và giải quyết các thắc mắc phổ biến của học sinh, đồng thời ghi nhận và gửi cho các tư vấn viên về những trường hợp tư vấn phức tạp.

Các tính năng thực tế ảo có thể mô phỏng các chuyến thăm nơi làm việc, tham quan khuôn viên trường đại học và theo dõi công việc từ xa. Điều này mang lại cơ hội tiếp xúc nghề nghiệp bất chấp rào cản địa lý. Việc tiếp cận hướng nghiệp học sinh có mục tiêu thông qua các ứng dụng di động có thể khuyến khích những học sinh chưa được tiếp cận tốt với các HĐHN truyền thống sử dụng tư vấn từ mạng lưới cố vấn trực tuyến. Nhà nước có thể sử dụng bảng thông tin phân tích đặc điểm, tính cách, năng lực của học sinh để theo dõi sự phát triển, định hướng nghề nghiệp của các em và kích hoạt các biện pháp TVHN kịp thời khi cần thiết.

Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức liên quan đến dữ liệu đào tạo, tính minh bạch trong các khuyến nghị về AI, khoảng cách về khả năng sử dụng công nghệ, hạn chế trong việc áp dụng và chi phí triển khai (Martiniello và cộng sự, 2020). Nghiên cứu sâu hơn rất quan trọng để đánh giá tác động hiệu quả của việc sử dụng công nghệ trong hoạt động hướng nghiệp cho học sinh vùng sâu vùng xa và đảm bảo khả năng tiếp cận hướng nghiệp công nghệ một cách công bằng cho các em. Việc thiết kế các ứng dụng di động hướng nghiệp cần cẩn thận và việc điều chỉnh văn hóa phù hợp với địa phương là cần thiết để những đổi mới không vô tình làm trầm trọng thêm khoảng cách giáo dục, công nghệ và xã hội hiện có ở học sinh DTTS.

2.4. Câu hỏi nghiên cứu

Hoạt động TVHN cho học sinh phổ thông là vô cùng cần thiết, tuy nhiên, việc triển khai các hoạt động này cho học sinh vùng sâu vùng xa, đặc biệt là học sinh DTTS vẫn còn gặp nhiều thách thức. Mặc dù công nghệ di động và trí tuệ nhân tạo mở ra những cơ hội mới cho việc cung cấp TVHN cho học sinh vùng sâu vùng xa, tuy nhiên, vẫn cần nghiên cứu thêm để đánh giá hiệu quả của các giải pháp này.

Từ thực tế đó, nghiên cứu này tập trung vào việc tìm hiểu thực trạng hoạt động TVHN cho học sinh DTTS lớp 12 tại Trường THPT Tây Trà thông qua 3 câu hỏi nghiên cứu sau:

1. Các đặc điểm của hoạt động TVHN cho học sinh DTTS lớp 12 tại trường THPT Tây Trà?
2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động TVHN cho học sinh DTTS lớp 12 tại trường THPT Tây Trà?
3. Ảnh hưởng của việc sử dụng ứng dụng di động trong hướng nghiệp cho học sinh DTTS lớp 12 tại trường THPT Tây Trà?

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu đã tiến hành bằng phương pháp điều tra phiếu khảo sát với 50 em học sinh lớp 12A4 và 12A5 là người DTTS đang theo học tại Trường THPT Tây Trà, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi để tìm hiểu việc tiếp nhận HĐHN và các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn lựa ngành nghề của các em học sinh DTTS trong thời gian từ ngày 10/9/2023 đến ngày 20/09/2023.

3.2. Bối cảnh và đối tượng nghiên cứu

Bối cảnh: Nghiên cứu được thực hiện tại trường THPT Tây Trà để tìm hiểu về việc tiếp nhận HĐHN và các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn lựa ngành nghề của các em học sinh người DTTS hiện đang học lớp 12 tại trường.

Đối tượng nghiên cứu bao gồm: 50 học sinh lớp 12 đang học tại Trường THPT Tây Trà, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

3.3. Quá trình thu thập thông tin

Việc thu thập thông tin được lấy từ bảng hỏi khảo sát. Năm mươi học sinh tham gia từ hai lớp

12A4 và 12A5 tại trường THPT Tây Trà nhận được bảng hỏi khảo sát. Bảng hỏi khảo sát có mục tiêu tìm hiểu về việc tiếp nhận HĐHN và các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn lựa ngành nghề của các em học sinh DTTS. Các em học sinh được khuyến khích trả lời thật cho bảng khảo sát. Quá trình khảo sát được tiến hành vào cuối tháng 9 năm 2023. Quá trình thu thập thông tin thu thập giúp chúng ta có cái nhìn sâu sắc hơn về việc tiếp nhận HĐHN, các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn lựa ngành nghề và trải nghiệm sử dụng các ứng dụng hướng nghiệp di động.

3.4. Phân tích dữ liệu

Theo bảng khảo sát câu hỏi, dữ liệu sẽ được phân tích theo phương pháp định lượng. Phân tích định lượng sẽ phân tích tỉ lệ phần trăm các phản hồi từ học sinh. Các phản hồi của các câu hỏi đặc biệt về việc áp dụng công nghệ vào việc hướng nghiệp sẽ được dùng để thể hiện ý kiến và hành vi của các em học sinh lớp 12 DTTS. Nghiên cứu sẽ phân tích dữ liệu để đi sâu hơn vào thái độ và trải nghiệm của học sinh với việc sử dụng ứng dụng di động để định hướng nghề nghiệp.

4. Kết quả

4.1. Đặc điểm của các em học sinh DTTS tham gia nghiên cứu

Tổng cộng có 50 học sinh tham gia nghiên cứu. Trong đó người Co chiếm đa số với 46 học sinh, chiếm 92% tổng số học sinh tham gia. Người Xơ Đăng và người Hre mỗi nhóm chỉ có 2 học sinh tham gia, mỗi nhóm chiếm 4% tổng số học sinh. Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu của các nhóm DTTS không cân bằng. Người Co chiếm tỷ lệ áp đảo so với hai nhóm DTTS còn lại. Như vậy, có thể thấy sự chênh lệch đáng kể về cơ cấu nhóm dân tộc tham gia nghiên cứu. Điều này cần lưu ý khi phân tích và diễn giải kết quả nghiên cứu.

4.2. Học sinh DTTS tham gia nghiên cứu có dự định sau khi tốt nghiệp THPT

Trong 50 em học sinh tham gia nghiên cứu, 19 em (chiếm 38%) đã có dự định cụ thể về việc học tập hoặc làm việc sau khi tốt nghiệp THPT,

5 em (chiếm 10%) chưa có dự định cụ thể sau khi tốt nghiệp THPT, và có đến 26 em (chiếm 52%) chưa xác định được dự định sau khi tốt nghiệp THPT. Số học sinh chưa có dự định hoặc chưa xác định được dự định sau THPT chiếm đa số, lên tới 62% tổng số học sinh. Tỷ lệ này cho thấy các em còn thiếu thông tin, hướng dẫn và chưa định hướng được nghề nghiệp sau này. Vì vậy, chúng ta cần có các HĐHN, tư vấn học tập và nghề nghiệp để giúp các em xác định được dự định và lựa chọn phù hợp sau tốt nghiệp THPT.

4.3. Hướng dự định của học sinh DTTS trong nghiên cứu sau tốt nghiệp THPT

Theo khảo sát, 8 em (chiếm 16%) dự định tiếp tục học lên Đại học hoặc Cao đẳng; 10 em (chiếm 20%) dự định đi học nghề; 31 em (chiếm 62%) dự định đi làm ngay sau khi tốt nghiệp. Từ đó, chúng ta kết luận được đa số học sinh DTTS lớp 12 tại trường THPT Tây Trà lựa chọn đi làm hoặc học nghề ngay sau tốt nghiệp THPT. Lý do có thể là hoàn cảnh gia đình khó khăn, áp lực kinh tế; một số em có thể thiếu thông tin về các ngành nghề phù hợp. Vì thế, các em học sinh DTTS rất cần được tư vấn, hướng dẫn để giúp các em lựa chọn con đường phù hợp với năng lực và hoàn cảnh.

4.4. Những khó khăn trong khi lựa chọn nghề nghiệp hoặc ngành học của học sinh DTTS tham gia nghiên cứu

Trong những khó khăn của các em học sinh DTTS khi lựa chọn nghề nghiệp/ngành học thì khó khăn lớn nhất là các em chưa có định hướng nghề nghiệp rõ ràng do chưa biết ngành nghề nào phù hợp với bản thân với 27 em (chiếm 54%). Có 8 em (16%) cho rằng khả năng bản thân còn hạn chế, 7 em (14%) thiếu thông tin cụ thể về các ngành nghề và 22 em (44%) gặp khó do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Nhìn chung, các em gặp khó khăn trong định hướng nghề nghiệp do thiếu hiểu biết về bản thân, thiếu thông tin về ngành nghề và áp lực kinh tế. Việc tăng cường các HĐHN, tư vấn học tập, hỗ trợ

kinh tế cần được thực hiện để giúp các em định hướng được nghề nghiệp phù hợp với năng lực và điều kiện của bản thân.

4.5. Quan điểm của học sinh DTTS tham gia nghiên cứu về tầm quan trọng của hoạt động TVHN

Đa số 48 em (chiếm 96%) cho rằng HĐHN là quan trọng. Chỉ có 2 em (chiếm 4%) cho rằng HĐHN không quan trọng. Như vậy, hầu hết các em đều nhận thức được tầm quan trọng của HĐHN đối với việc định hướng nghề nghiệp cho bản thân. Điều này cho thấy các em có nhu cầu và mong muốn được tham gia các HĐHN để giúp định hướng tương lai. Nhà trường và gia đình cần tăng cường tổ chức các hoạt động TVHN phù hợp cho học sinh DTTS.

4.6. Tư vấn hướng nghiệp từ gia đình với học sinh DTTS tham gia nghiên cứu

Có 33 em (chiếm 66%) cho biết có nhận được sự TVHN từ gia đình. Tuy nhiên, vẫn còn 17 em (chiếm 34%) không nhận được sự hướng nghiệp từ gia đình. Chúng ta thấy rằng một tỷ lệ khá cao các em (34%) không được gia đình tư vấn, hướng dẫn về lựa chọn nghề nghiệp. Điều này có thể do bậc cha mẹ của các em thiếu hiểu biết về các ngành nghề, thiếu kinh nghiệm trong hướng nghiệp. Nhà trường cần phối hợp với gia đình để tổ chức các buổi TVHN cho phụ huynh học sinh, nhằm trang bị kiến thức để phụ huynh có thể hướng dẫn con em tốt hơn trong lựa chọn nghề nghiệp.

4.7. Tư vấn hướng nghiệp từ nhà trường với học sinh DTTS trong nghiên cứu

So với sự TVHN từ gia đình thì về phía Nhà trường có 48 em (chiếm 96%) nhận được sự TVHN từ nhà trường, trong khi chỉ có 2 em (4%) không được nhà trường TVHN. Qua đó, tỷ lệ các em được nhà trường tư vấn, hướng dẫn về nghề nghiệp cao hơn so với tỷ lệ được gia đình tư vấn. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của nhà trường trong việc hướng nghiệp cho học sinh DTTS. Nhà trường cần tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác TVHN cho học sinh.

4.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh DTTS tham gia nghiên cứu

Trong các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của các em học sinh DTTS thì yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất là gia đình, người thân với 34 em (68%). Tiếp đến là mạng xã hội như Facebook, Tiktok với 16 em (32%). Có 6 em chịu ảnh hưởng từ thầy cô, nhân viên nhà trường (12%) và 5 em ảnh hưởng từ bạn bè (10%). Các yếu tố còn lại như tờ rơi, phim ảnh, người nổi tiếng, tư vấn viên đại học ít ảnh hưởng hơn.

Kết luận được gia đình và người thân là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh DTTS, rồi sau đó đến ảnh hưởng từ mạng xã hội và thầy cô, nhân viên nhà trường - đây là những kênh mà nhà trường cần phối hợp để TVHN hiệu quả cho học sinh.

4.9. Mong muốn được hỗ trợ định hướng nghề nghiệp của học sinh DTTS tham gia nghiên cứu

Đa phần các em mong được lắng nghe chia sẻ từ anh chị đi trước với 29 em (58%). Tiếp theo đó, có 20 em mong muốn được lắng nghe và tuân theo lời khuyên của bố mẹ - 20 em (40%). Tỷ lệ các em mong muốn được nhà trường hỗ trợ, tư vấn là 20 em (40%). Bên cạnh đó, các em mong được tư vấn từ chuyên gia là 14 em (28%). Thực tế cho thấy ít em quan tâm đến hội thảo tư vấn vì chỉ có 2 em (4%) mong muốn được tư vấn từ hội thảo.

Từ đó, chúng ta thấy được các em mong muốn được lắng nghe và tuân theo lời khuyên từ gia đình và người thân. Đồng thời, các em cũng mong được nhà trường, chuyên gia và anh chị đi trước tư vấn, định hướng. Vì thế, nhà trường cần phối hợp chặt chẽ với gia đình và cựu học sinh để TVHN hiệu quả cho học sinh.

4.10. Quan điểm về việc sử dụng ứng dụng di động để TVHN có thể ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn ngành nghề của học sinh DTTS tham gia nghiên cứu

Với quan điểm trên, có 25 em (chiếm 50% tổng số học sinh) cho rằng việc sử dụng ứng dụng

di động để TVHN có thể ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn ngành nghề của các em. Đồng thời, cũng có 25 em (50%) cho rằng việc này không có ảnh hưởng tới quyết định của các em.

Chúng ta thấy rằng quan điểm của các em về vấn đề này khá chia đều. Một nửa cho rằng công nghệ có thể hỗ trợ TVHN, trong khi một nửa còn lại không cho rằng công nghệ có ảnh hưởng. Từ đó, chúng ta thấy rằng cần nghiên cứu thêm về hiệu quả thực tế của việc ứng dụng công nghệ vào TVHN cho học sinh DTTS để đưa ra giải pháp phù hợp và hiệu quả.

4.11. Tình hình sử dụng các ứng dụng di động hỗ trợ TVHN của học sinh DTTS tham gia nghiên cứu

Theo khảo sát, 20 em (chiếm 40%) có sử dụng các ứng dụng di động như Top CV, LinkedIn, I-Hr, ... để hỗ trợ định hướng nghề nghiệp nên tỷ lệ các em sử dụng công nghệ để hỗ trợ định hướng nghề nghiệp còn thấp vì đa số các em - 30 em (60%) không sử dụng các ứng dụng này. Việc này có thể do các em chưa được giới thiệu và hướng dẫn cách sử dụng hiệu quả các ứng dụng này. Nhà trường cần đưa ra giải pháp để hướng dẫn và khuyến khích các em tận dụng các ứng dụng công nghệ trong quá trình tìm hiểu thông tin về ngành nghề và lựa chọn nghề nghiệp.

4.12. Nhu cầu và sự cần thiết của việc tư vấn hướng nghiệp bằng ứng dụng di động cho học sinh DTTS tham gia nghiên cứu

Kết quả khảo sát có 29 em, chiếm 58% tổng số học sinh, muốn được TVHN thông qua ứng dụng di động và 21 em (42%) không muốn được TVHN bằng hình thức này. Đa số các em vẫn mong muốn được tiếp cận với hình thức TVHN trực tuyến qua ứng dụng di động. Điều này phù hợp với xu hướng số hóa và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục.

Ngược lại, tỷ lệ các em đã sử dụng các ứng dụng hỗ trợ TVHN còn thấp (40%). Do đó, chúng ta cần có sự hướng dẫn và khuyến khích các em áp dụng các ứng dụng di động để TVHN

hiệu quả bởi đây là xu hướng tất yếu trong thời đại công nghệ số.

4.13. Hướng dẫn sử dụng ứng dụng di động trong hướng nghiệp cho học sinh DTTS tham gia nghiên cứu

Trong số 50 học sinh được khảo sát, có 14 em (chiếm 28%) cho biết đã được hướng dẫn cách sử dụng ứng dụng di động để hỗ trợ việc lựa chọn ngành nghề. Tuy nhiên, đa số các 36 em (chiếm 72%) lại không được hướng dẫn cách sử dụng. Như vậy, tỷ lệ học sinh được hướng dẫn sử dụng ứng dụng di động trong hướng nghiệp còn rất thấp (28%).

Đây có thể là lý do dẫn đến tỷ lệ sử dụng ứng dụng hỗ trợ hướng nghiệp của các em cũng thấp (40%). Vì thế, nhà trường cần tăng cường công tác hướng dẫn và giới thiệu cho học sinh cách sử dụng các ứng dụng di động thông minh nhằm hỗ trợ tốt nhất cho việc định hướng nghề nghiệp của các em.

5. Những đề xuất

- Áp dụng các ứng dụng di động tích hợp trí tuệ nhân tạo vào hoạt động TVHN để phân tích điểm mạnh, sở thích, năng lực của từng học sinh. Trên cơ sở đó, ứng dụng sẽ đề xuất các lựa chọn nghề nghiệp, trường đại học, chương trình học phù hợp với từng cá nhân.

- Cung cấp các thông tin cụ thể về các ngành nghề, cơ hội việc làm, mức lương dự kiến thông qua ứng dụng di động để học sinh có cái nhìn rõ ràng hơn về tương lai nghề nghiệp.

- Tích hợp tính năng trò chuyện trực tuyến với các chuyên gia TVHN, cựu học sinh thành công của trường để học sinh được chia sẻ kinh nghiệm và giải đáp thắc mắc.

- Xây dựng các chương trình học bổng, hỗ trợ tài chính cho học sinh DTTS có hoàn cảnh khó khăn. Các em học sinh có thể tra cứu thông tin học bổng ngay trên ứng dụng di động.

- Tổ chức các khóa đào tạo, hướng dẫn sử dụng ứng dụng di động cho học sinh cũng như phụ huynh để các em áp dụng hiệu quả công nghệ vào việc tìm hiểu thông tin về nghề nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động TVHN sẽ giúp học sinh DTTS tiếp cận nhiều hơn các thông tin và cơ hội, từ đó đưa ra quyết định đúng đắn về nghề nghiệp phù hợp với bản thân.

6. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy học sinh DTTS tham gia nghiên cứu còn gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn nghề nghiệp và định hướng sau khi tốt nghiệp THPT. Cụ thể, 62% học sinh chưa xác định được dự định sau tốt nghiệp, chủ yếu do thiếu thông tin về ngành nghề, chưa hiểu rõ bản thân và gặp áp lực kinh tế. Hoạt động TVHN của nhà trường đóng vai trò quan trọng đối với học sinh DTTS, vì sự hỗ trợ từ gia đình vẫn còn hạn chế. Vậy nên, để công tác hướng nghiệp hiệu quả cần phải tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc định hướng nghề nghiệp cho các em. Việc ứng dụng công nghệ như các phần mềm ứng dụng hướng nghiệp trên điện thoại là xu hướng tất yếu. Các em học sinh vẫn còn hạn chế trong việc sử dụng các công nghệ này. Các bên liên quan như Nhà nước, Nhà trường, Đoàn Thanh Niên, ... cần có sự hướng dẫn và định hướng để khuyến khích các em tận dụng công nghệ trong tìm hiểu thông tin về nghề nghiệp. Nhìn chung, nghiên cứu này đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về thực trạng và nhu cầu hướng nghiệp của học sinh DTTS tại địa phương để các cơ quan chức năng có thể xây dựng các chương trình, tài liệu và hoạt động hướng nghiệp phù hợp, hiệu quả hơn để hỗ trợ các em chọn lựa nghề nghiệp phù hợp với bản thân và điều kiện thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ali, S.R. & Saunders, J.L. (2006). *College expectations of rural Appalachian youth: An exploration of social cognitive career theory factors*. *Career Development Quarterly*, 55(1).
- Goh, D. et al. (2019). Barriers and facilitators to academic and social adjustment among students from rural Appalachia. *Journal of Social, Behavioral, and Health Sciences*, 13(1).
- Hân, N. T. T. (2011). “Thực trạng công tác TVHN ở một số trường trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh”. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, 25, 116-120.
- Hằng, Đ. T. L. (2009). “Vài nét về TVHN hiện nay”. *Tạp chí Tâm lý học*, 5(122), 40-49.
- Hooley, T. et al. (2015). *Get yourself connected: Conceptualising the role of digital technologies in Norwegian career guidance*. International Centre for Guidance Studies.
- Hùng, L. D. (2015). *Nhu cầu TVHN của học sinh trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh* (Luận án tiến sĩ). Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Kettunen, J. et al. (2013). “Career practitioners' conceptions of social media in career services”. *British Journal of Guidance & Counselling*, 41(3).
- Kim, Y. & Baylor, A.L. (2006). “A social-cognitive framework for pedagogical agents as learning companions”. *Educational Technology Research and Development*, 54.
- Lindley, L.D. et al. (2020). “Future work skills: Effective career interventions with rural clients”. *The Professional Counselor*, 10(1).
- Martiniello, N. et al. (2020). *Artificial intelligence for students in postsecondary education: A world of opportunity*. *AI Matters*, 6(3).
- OECD (2004). *Career Guidance and Public Policy: Bridging the Gap*.
- Phuong, L. A. (2022). “Công tác hướng nghiệp còn bất cập khi vẫn có HS đăng kí gần 100 nguyện vọng”. *Báo Giáo dục Việt Nam*. <https://giaoduc.net.vn/cong-tac-huong-nghiep-con-bat-cap-khi-van-co-hs-dang-ki-gan-100-nguyen-vong-post228833.gd>
- Sheu, H.B. et al. (2018). “Development and validation of the Social Cognitive Career Interest Scale for high school students”. *Journal of Counseling Psychology*, 65(4).
- Son, H. V. (2011). “Xu hướng chọn nghề của học sinh cuối cấp trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông tỉnh Bình Dương hiện nay”. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, 31, 125-131.
- Thạc, N. & Liên, N. T. N. (2005). “Xu hướng chọn nghề của học sinh trung học phổ thông có kiểu nhân cách khác nhau”. *Tạp chí Tâm lý học*, 1(6), 48-51.